TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 01 năm 2024
V/v: "Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

***- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Tú và bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST – HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, S năm 1994.
Địa chỉ: Khu X, xã P, huyện C, tỉnh P.
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, S năm 1993.
Địa chỉ: Khu X, xã P, huyện C, tỉnh P.

(Chị S có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 14/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn ngày 08/02/2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 6 năm thì bắt đầu phát S mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nH không đạt kết quả. Vợ chồng đã ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị S xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Mạnh H, S ngày 29/9/2017 và Nguyễn Mạnh H, S ngày 12/6/2020. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Mạnh H và nhất trí giao cháu Nguyễn Mạnh H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung; tài sản riêng; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị S không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2, Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị S tự nguyện kết hôn ngày 08/02/2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát S mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, không có tiếng nói chung, không bảo ban được nhau. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 24/11/2023 anh H đồng ý ly hôn với chị S nH sau đó anh thay đổi quan điểm không nhất trí ly hôn với chị S.

Về con chung: Anh H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Mạnh H, S ngày 29/9/2017 và Nguyễn Mạnh H, S ngày 12/6/2020. Nếu ly hôn thì anh xin được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Mạnh H và nhất trí giao cháu Nguyễn Mạnh H cho chị S nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung; tài sản riêng; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Pngày 12/12/2023 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị S và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 08/02/2017 tại UBND xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát S mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Chị S đã bỏ về nH bố mẹ đẻ chị ở từ đó đến nay không quay lại chung sống cùng anh H nữa. Nay chị S xin ly hôn anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án.

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao con chung chưa tHnh niên là Nguyễn Mạnh H, S ngày 29/9/2017 cho anh Nguyễn Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu H tHnh niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa tHnh niên là Nguyễn Mạnh H, S ngày 12/6/2020 cho chị Nguyễn Thị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu H tHnh niên (đủ 18 tuổi). Chị S, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị S, anh H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị S, anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh H có hộ khẩu thường trú tại Khu X, xã P, huyện C, tỉnh P. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị S có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh H Toà án đã gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nH anh H vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, □iều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị S và anh H là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 08/02/2017. Chị S và anh H đều xác nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát S mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về lối sống và cách sống nên có những lúc mâu thuẫn cãi vã nhau, chưa quan tâm đến nhau. Gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhiều lần nH không được. Phía chị S cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh H. Phía anh H tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 24/11/2023 anh H đồng ý ly hôn với chị S nH sau đó anh thay đổi quan điểm không nhất trí ly hôn với chị S. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị S và anh H đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt đ□ợc, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị S được ly hôn anh H là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị S và anh H đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Mạnh H, S ngày 29/9/2017 và Nguyễn Mạnh H, S ngày 12/6/2020. Khi ly hôn chị S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và nhất trí giao cháu H cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng. Phía anh H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và nhất trí giao cháu H cho chị S được trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Xét đề nghị của anh chị là phù hợp cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị S, anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa tHnh niên là Nguyễn Mạnh H, S ngày 29/9/2017 cho anh Nguyễn Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu H tHnh niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa tHnh niên là Nguyễn Mạnh H, S ngày 12/6/2020 cho chị Nguyễn Thị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu H tHnh niên (đủ 18 tuổi). Chị S, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị S, anh H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

[3].Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị S, anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị S đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004739 ngày 14/11/2023 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện Cẩm khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thoả thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Phượng Vĩ;
- Thi Hnh án dân sự;
- Lưu HS+ VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đinh Thị Thu Huyền